CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC NATURE HÒA BÌNH
KCN Bờ Trái Sông Đà, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 626.TP.20B-01

Tên mẫu thử / *Name of sample:* **Vitamin D3 & K2 MK7**
SĐK: 25/2022/ĐKSP
Lô sx: 010126 NSX: 300126 HD: 290129

Tình trạng mẫu / *Status of sample* Mẫu dạng lỏng chứa trong bao bì kín, nhãn ghi rõ ràng

Quy cách đóng gói / *Packed* Hộp/lọ 10 mL

Thời gian thử nghiệm / *Test duration:* Từ ngày 21/01/2026 đến ngày 12/02/2026

Tiêu chuẩn thử / *Test standard:* TCCS 115:2025/NH, ngày 18/07/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

TT *Item*	Chỉ tiêu *Targets*	Yêu cầu *Request*	Kết quả *Results*	Phương pháp thử *Test method*
1	Trạng thái sản phẩm	Dung dịch màu vàng nhạt, mùi đặc trưng không ôi mốc, không vị lạ	Đúng	Cảm quan
2	Độ đồng đều thể tích	Không nhỏ hơn thể tích ghi trên nhãn	Đạt	NH-QCTL007.00-01 (Ref. DĐVN V)
3	Vitamin D3 (*)	(1600-2400) IU/10mL	2027,67	IRDOP HDPP75-KN (Ref. DĐVN)
4	Vitamin K2 (*)	(192-288) µg/10mL	245,24	IRDOP HDPP393-KN (Ref. AOAC 999.15)
5	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	$< 2 \times 10^3$ CFU/mL	Đạt	NH-QCTL014.00-01 (Ref. DĐVN V)
6	Tổng số nấm men nấm mốc	$< 2 \times 10^2$ CFU/mL	Đạt	NH-QCTL015.00-01 (Ref. DĐVN V)
7	Enterobacteriaceae (Vi khuẩn Gram âm dung nạp mật)	$< 1 \times 10^2$ CFU/mL	Đạt	NH-QCTL154.00-01 (Ref. DĐVN V)
8	*Escherichia coli*	Không được có/mL	Đạt	NH-QCTL017.00-01 (Ref. DĐVN V)
9	Chì/Lead (Pb) (*)	≤ 10,0 mg/L	Đạt	IRDOP VS TCVN 8126:2009
10	Cadimi/Cadmium (Cd) (*)	≤ 1,0 mg/L	Đạt	IRDOP VS TCVN 8126:2009
11	Thủy ngân/Mercury (Hg) (*)	≤ 0,5 mg/L	Đạt	IRDOP VS TCVN 7993:2009
12	Asen/Arsenic (As) (*)	≤ 5,0 mg/L	Đạt	IRDOP VS TCVN 7770:2007

Kết luận: Sản phẩm đạt yêu cầu đối với các chỉ tiêu đã được thử nghiệm theo TCCS.

(*) *Chỉ tiêu kiểm nghiệm độc lập*

Phụ trách Quản lý chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC NATURE HÒA BÌNH
TP. HÒA BÌNH - T. HÒA BÌNH